

CANADA CẬP NHẬT HƯỚNG DẪN VỀ KHẢ NĂNG BẮT LỬA ĐỐI VỚI QUẦN ÁO NGỦ TRẺ EM

Canada là một trong những thị trường nhập khẩu dệt may lớn của khu vực Bắc Mỹ, với trị giá nhập khẩu hàng năm lên tới hàng chục tỷ USD. Trong những năm gần đây, cùng với việc thúc đẩy tiêu dùng bền vững, Chính phủ Canada liên tục hoàn thiện hệ thống quy định về an toàn sản phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đặc biệt đối với các sản phẩm dành cho trẻ em. Tháng 11/2025, Health Canada đã ban hành Hướng dẫn cập nhật về khả năng bắt lửa đối với quần áo ngủ trẻ em, làm rõ phạm vi áp dụng, tiêu chí phân loại sản phẩm và phương pháp đánh giá theo các quy định hiện hành.

Việt Nam hiện là nhà cung cấp dệt may lớn thứ ba của Canada và đang hưởng lợi từ Hiệp định CPTPP. Theo số liệu thống kê của ITC, 3 tháng đầu năm 2026, Canada nhập khẩu nhóm hàng dệt may thuộc các chương HS61, HS62 và HS63 đạt 2,99 tỷ USD, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2025. Mặc dù trị giá nhập khẩu giảm nhẹ, quy mô thị trường vẫn duy trì ở mức cao, phản ánh nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc của Canada tiếp tục ổn định. Cơ cấu nguồn cung cho thấy chuỗi cung ứng dệt may của Canada vẫn tập trung chủ yếu tại khu vực châu Á. Bốn nhà cung cấp lớn nhất gồm Trung Quốc, Bangladesh, Việt Nam và Campuchia chiếm tới 67,15% tổng trị giá nhập khẩu.

Trong khi đó, nhập khẩu hàng dệt may của Canada từ Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2026 đạt 431,49 triệu USD, tăng 5,07%, chiếm 14,42% tổng trị giá nhập khẩu và tiếp tục giữ vững vị trí nhà cung cấp lớn thứ ba của Canada. Khoảng cách giữa Việt Nam và Bangladesh chỉ còn khoảng 10,9 triệu USD, cho thấy Việt Nam đang từng bước thu hẹp khoảng cách với nhà cung cấp đứng thứ hai. Đáng chú ý, trong bối cảnh tổng nhập khẩu của Canada giảm và Trung Quốc suy giảm mạnh, Việt Nam lại là một trong số ít các nhà cung cấp lớn duy trì tăng trưởng dương. Kết quả này phản ánh năng lực cạnh tranh ngày càng được cải thiện của ngành dệt may Việt Nam, đặc biệt ở các phân khúc hàng may mặc có giá trị gia tăng cao.

Thị trường cung cấp hàng dệt may cho Canada có HS (61; 62; 63) 3 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	Tỷ trọng (%)	Trị giá (nghìn USD)	So với năm 2025(%)
----------	--------------	---------------------	--------------------

Mặt hàng	Tỷ trọng (%)	Trị giá (nghìn USD)	So với năm 2025(%)
Tổng	100	2.992.511	-4,70
Trung Quốc	27,59	825.575	-13,39
Bangladesh	14,78	442.406	-2,49
Việt Nam	14,42	431.494	5,07
Campuchia	10,36	309.997	3,91
Ấn Độ	5,30	158.659	1,34
Hoa Kỳ	3,68	110.180	-13,95
Ý	2,83	84.649	0,19
Indonesia	2,73	81.589	0,97
Pakistan	2,32	69.485	15,57
Mexico	1,72	51.344	-8,62
Sri Lanka	1,39	41.565	-30,37
Thổ Nhĩ Kỳ	1,37	40.991	-4,69
Bồ Đào Nha	1,30	38.951	6,00
Honduras	0,85	25.487	-20,54
Jordan	0,70	20.947	8,78
Thái Lan	0,64	19.233	1,10
Thị trường khác	8,02	239.959	-3,29

Nguồn: ITC

Mặt hàng may mặc nhập khẩu của Canada 3 tháng năm 2026

HS	Mô tả	Tỷ trọng (%)	Trị giá (nghìn USD)	So với năm 2025(%)
Tổng	Tổng nhập khẩu may mặc	100,00	2.992.511	-4,70
HS6204	Bộ quần áo, áo khoác, áo blazer, váy liền, chân váy, váy-quần, quần dài... dành cho nữ hoặc trẻ em gái.....	14,19	424.557	-5,36
HS6110	Áo len chui đầu, áo cardigan, áo gile và các loại tương tự, dệt kim hoặc móc (trừ...	11,81	353.461	-2,79
HS6109	Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc	8,27	247.404	-4,77
HS6203	Bộ quần áo, áo khoác, áo blazer, quần dài, quần yếm, quần cưỡi ngựa... dành cho nam hoặc trẻ em trai...	8,23	246.227	-7,65
HS6104	Bộ quần áo, áo khoác, áo blazer, váy liền, chân váy, váy-quần, quần dài... dành cho nữ	6,48	193.916	-13,20

HS	Mô tả	Tỷ trọng (%)	Trị giá (nghìn USD)	So với năm 2025(%)
	hoặc trẻ em gái...			
HS6302	Đồ vải trải giường, khăn trải bàn, đồ vải dùng trong nhà vệ sinh và nhà bếp làm từ mọi loại vật liệu dệt (trừ...	4,24	126.957	4,68
	NHÓM QUẦN ÁO NGỦ (HS6108, HS6107, HS6208, HS6207)	4,17	124.667	-5,50
HS6108	Váy lót, quần lót, váy ngủ, bộ đồ ngủ, áo choàng ngủ (négligé), áo choàng tắm... dành cho nữ hoặc trẻ em gái...	2,39	71.552	-10,90
HS6107	Quần lót, áo ngủ, bộ đồ ngủ, áo choàng tắm, áo choàng mặc nhà và các loại tương tự dành cho nam hoặc trẻ em trai...	1,29	38.579	5,46
HS6208	Áo lót và các loại áo không tay khác, áo lót trong (slip), váy lót, quần lót, váy ngủ... dành cho nữ hoặc trẻ em gái	0,31	9.265	-13,48
HS6207	Áo lót và các loại áo không tay khác, quần lót, quần ngủ, bộ đồ ngủ, áo choàng tắm... dành cho nam hoặc trẻ em trai	0,18	5.271	21,82
HS6307	Các sản phẩm may sẵn từ vật liệu dệt, bao gồm cả mẫu ráp quần áo, loại khác chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	3,70	110.647	6,50
HS6211	Bộ đồ thể thao, bộ đồ trượt tuyết, đồ bơi và các loại quần áo khác chưa được phân loại ở nơi khác (trừ loại dệt kim hoặc móc)	3,10	92.912	-4,58
HS6103	Bộ quần áo, áo khoác, áo blazer, quần dài, quần yếm, quần cưỡi ngựa... dành cho nam hoặc trẻ em trai...	2,79	83.545	6,72
HS6205	Áo sơ mi nam hoặc trẻ em trai (trừ loại dệt kim hoặc móc, áo ngủ, áo lót và các loại áo không tay khác)	2,65	79.379	-10,29
HS6206	Áo kiêu, áo sơ mi và áo sơ mi kiêu nữ hoặc trẻ em gái (trừ loại dệt kim hoặc móc và áo không tay)	2,64	78.917	-4,06
HS6202	Áo khoác ngoài, áo khoác đi xe hơi, áo choàng không tay (cape), áo choàng rộng (cloak), áo khoác anorak (bao gồm áo khoác trượt tuyết, áo khoác chắn gió)... dành cho nữ hoặc trẻ em gái...	2,37	70.839	-1,11
HS6210	Quần áo làm từ vải ni hoặc vải không dệt, đã hoặc chưa được tẩy, trắng, phủ hoặc ép	2,18	65.348	-9,13

HS	Mô tả	Tỷ trọng (%)	Trị giá (nghìn USD)	So với năm 2025(%)
	lốp;...			
HS6115	Quần tất, tất dài, tất ngắn và các loại đồ dệt kim bao chân khác, bao gồm cả loại có độ nén tăng dần...	2,14	64.120	-10,69
HS6212	Áo ngực, đai nịt bụng, áo nịt ngực (corset), dây đai giữ quần, dây treo quần, dây giữ nút tất và các sản phẩm tương tự cùng các bộ phận của chúng...	2,11	63.143	-10,06
HS6201	Áo khoác ngoài, áo khoác đi xe hơi, áo choàng không tay (cape), áo choàng rộng (cloak), áo khoác anorak (bao gồm áo khoác trượt tuyết, áo khoác chắn gió)... dành cho nam hoặc trẻ em trai...	2,10	62.878	-1,69
HS6105	Áo sơ mi dệt kim hoặc móc dành cho nam hoặc trẻ em trai (trừ áo ngủ, áo phông, áo may ô và các loại khác...	1,89	56.694	-10,32
HS6114	Quần áo chuyên dụng cho mục đích nghề nghiệp, thể thao hoặc các mục đích khác (không được phân loại ở nơi khác), dệt kim hoặc móc	1,67	49.997	0,57
HS6111	Quần áo và phụ kiện quần áo cho trẻ sơ sinh, dệt kim hoặc móc (trừ mũ)	1,29	38.484	-12,57
HS6112	Bộ đồ thể thao, bộ đồ trượt tuyết và đồ bơi, dệt kim hoặc móc	1,23	36.878	-0,67
HS6116	Găng tay, găng hở ngón, dệt kim hoặc móc (trừ loại cho trẻ sơ sinh)	1,23	36.757	-9,58
HS6106	Áo kiểu, áo sơ mi dệt kim hoặc móc dành cho nữ hoặc trẻ em gái (trừ áo phông và...	1,13	33.845	-4,84
HS6102	Áo khoác ngoài, áo khoác đi xe hơi, áo choàng không tay (cape), áo choàng có mũ/tay (cloak), áo khoác anorak dành cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, bao gồm... áo khoác trượt tuyết, áo khoác chắn gió...	1,00	29.846	-2,14
HS6305	Bao và túi dùng để đóng gói hàng hóa, làm từ mọi loại vật liệu dệt	0,96	28.823	-14,82
HS6303	Rèm cửa, bao gồm cả rèm buông và rèm che cửa sổ; yếm rèm cửa hoặc yếm trang trí giường làm từ mọi loại vật liệu dệt...	0,93	27.942	-9,38
HS Khác	Nhóm hàng khác	3,95	118.110	3,37

Nguồn: ITC

Theo straitsresearch.com, thị trường quần áo trẻ em Canada được định giá 4,6 tỷ USD vào năm 2025, được hỗ trợ bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với quần áo trẻ em cao cấp, sự gia tăng việc sử dụng quần áo bền vững và các kênh phân phối bán lẻ và trực tuyến mạnh mẽ. Các nhà bán lẻ Canada như Joe Fresh đã nhắm đến việc sử dụng 100% bông có trách nhiệm trong tất cả các sản phẩm giàu bông của mình, đồng thời thúc đẩy việc tái sử dụng quần áo và chăm sóc sản phẩm có trách nhiệm, hỗ trợ sự tập trung ngày càng tăng vào tính bền vững trong thị trường quần áo trẻ em.

Đồ dệt may trẻ em (dưới 14 tuổi) nhập khẩu vào Canada cũng phải tuân thủ các quy định liên quan đến sản phẩm tiêu dùng có chứa chì, chất phthalates và có hướng dẫn cụ thể về các sản phẩm chứa sợi/dây trang trí và các vật trang trí nhỏ khác trong quần áo trẻ em (độ dài sợi dây, vị trí sợi dây...). Đối với các sản phẩm nhồi/trần bông như gối, túi ngủ, quần áo trần bông, Canada cũng có Luật điều chỉnh các sản phẩm nhồi/trần bông, theo đó, cấm nhập các vật liệu nhồi cũ và không sạch. Thành phần nhồi phải được ghi rõ theo Luật ghi nhãn của liên bang đối với các sản phẩm dệt may.

Ở Canada, các cơ quan có trách nhiệm giám sát thực thi các văn bản liên quan này là Bộ Y tế Canada và Văn phòng an toàn sản phẩm tiêu dùng. Cơ quan tiêu chuẩn Canada (SCC và CGSB) chịu trách nhiệm các chứng nhận và thẩm định chất lượng, tiêu chuẩn của các sản phẩm nhập khẩu. Ngoài ra, chịu trách nhiệm thực thi và giám sát việc ghi nhãn dệt may là Cơ quan cạnh tranh Canada. Sản phẩm dệt may phải ghi rõ tên doanh nghiệp nhập khẩu, địa chỉ nhà phân phối tại Canada (thường dưới dạng số CA gồm 5 chữ số). Ngoài ra, còn bắt buộc phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ (nơi sản xuất nếu ngoài Canada) và thành phần vải bằng tiếng Anh, tiếng Pháp. Tất cả các thành phần sợi có lượng chiếm 5% trong sản phẩm phải được nêu rõ tên và thành phần, theo thứ tự loại sợi chiếm nhiều nhất từ cao xuống thấp. Hướng dẫn sử dụng, kích cỡ không phải là những thông tin bắt buộc theo quy chuẩn ghi nhãn của Canada. Tuy nhiên, Canada có những quy định riêng liên quan đến ghi nhãn sản phẩm lông vũ. Bao bì của sản phẩm dệt may cũng phải tuân thủ hướng dẫn về bao bì tiêu dùng. Ngoài ra, các sản phẩm dệt may dán nhãn “Thân thiện môi trường” (Ecolabels) phải đảm bảo tính chính xác theo quy định ghi nhãn môi trường do Văn phòng bảo vệ người tiêu dùng và cơ quan cạnh tranh Canada giám sát.

Theo Hướng dẫn cập nhật về khả năng bắt lửa đối với quần áo ngủ trẻ em đồ ngủ trẻ em được hiểu là quần áo trẻ em có kích cỡ từ 0 đến 14X được sản xuất, nhập khẩu, quảng cáo hoặc bán với mục đích ngủ hoặc các hoạt động liên quan đến việc đi ngủ. Áo ngủ, bộ đồ ngủ, áo choàng tắm là những ví dụ về đồ ngủ trẻ em. Trong đó, quần áo ngủ được chia thành 2 loại gồm: **Đồ ngủ ôm sát (Tight-fitting)**: Gồm đồ liền thân (sleepers), đồ pijama kiểu polo. Kích thước vòng ngực bị giới hạn tối đa (ví dụ: tối đa 980mm hoặc 1000mm tùy loại); **Đồ ngủ rộng rãi (Loose-fitting)**: Gồm váy ngủ (nightgowns), pijama rộng, pijama dáng baby doll. Loại này dễ bắt lửa hơn nên có tiêu chuẩn kiểm tra độ cháy khét khe hơn.

Tiêu chuẩn kiểm tra khả năng bắt lửa được chia theo 2 loại đồ ngủ:

- **Đối với đồ ôm sát:** Thời gian lan truyền ngọn lửa phải **lớn hơn 7 giây** theo tiêu chuẩn CAN/CGSB-4.2 Số 27.5.

- **Đối với đồ rộng rãi:** Chiều dài cháy trung bình tối đa là **178mm** (thử nghiệm trên 5 mẫu), và tối đa chỉ 1 mẫu đạt đến 254mm hoặc cháy toàn bộ chiều dài.

Các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng hóa chất chống cháy

Chức năng của các chất chống cháy là làm chậm quá trình bắt lửa và lan truyền của đám cháy. Một số chất chống cháy có thể gây hại cho sức khỏe con người hoặc môi trường. Bộ Y tế Canada khuyến khích ngành công nghiệp sử dụng các chất thay thế an toàn, không phải hóa chất để đáp ứng các yêu cầu về khả năng chống cháy. Thông tin chi tiết hơn có thể được tìm thấy trong Thông báo cho các bên liên quan về việc sử dụng các chất chống cháy trong một số sản phẩm tiêu dùng ở Canada (cập nhật năm 2024). Thông tin về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng bắt lửa của hàng dệt – chẳng hạn như thành phần sợi, cấu trúc vải, trọng lượng vải và lớp hoàn thiện vải – có thể được tìm thấy trong Hướng dẫn ngành về khả năng bắt lửa của sản phẩm dệt may ở Canada. Quần áo ngủ trẻ em được xử lý bằng chất chống cháy không được miễn trừ khỏi các yêu cầu về khả năng bắt lửa của Quy định về *quần áo ngủ trẻ em*. **Bộ Y tế Canada khuyến khích sử dụng các giải pháp thay thế an toàn, không chứa hóa chất.**

Nhận thức được những rủi ro tiềm tàng của các hóa chất chống cháy đối với sức khỏe con người hoặc môi trường, Chính phủ Canada đã và đang tiếp tục đánh giá một số chất được sử dụng làm chất chống cháy theo Kế hoạch Quản lý Hóa chất (CMP). Khi phát hiện rủi ro đối với sức khỏe con người hoặc môi trường, các biện pháp quản lý thích hợp sẽ được thực hiện.

Hạn chế sử dụng hóa chất chống cháy trong quần áo ngủ rộng rãi: Các hóa chất chống cháy chỉ được sử dụng để xử lý quần áo ngủ rộng rãi cho trẻ em nếu các hóa chất chống cháy đó đáp ứng các yêu cầu về độc tính được quy định trong *Quy định về Quần áo ngủ trẻ em*. Cụ thể, quần áo ngủ rộng rãi được xử lý bằng chất chống cháy, bất kỳ thành phần nào được chiết xuất hoặc phân hủy từ quần áo ngủ đã được xử lý đó và bất kỳ chất chống cháy nào được sử dụng để xử lý quần áo ngủ đều không được gây độc tính cấp tính (qua đường miệng hoặc da), kích ứng da, mẫn cảm da, khuyết tật di truyền hoặc nhiễm sắc thể, hoặc khối u theo khoản 3(2) và Phụ lục 2 của *Quy định về Quần áo ngủ trẻ em*.

Theo điều 4 của *Quy định về đồ ngủ trẻ em*, đồ ngủ trẻ em rộng rãi được xử lý bằng chất chống cháy phải có nhãn dán cố định ghi rõ ràng và dễ đọc các thông tin sau:

các từ “chất chống cháy” và “chất ngăn lửa”; và

Hướng dẫn bằng tiếng Anh và tiếng Pháp về cách bảo quản đồ ngủ, đặc biệt là các quy trình làm sạch, để đảm bảo đồ ngủ không bị tiếp xúc với các tác nhân hoặc phương pháp xử lý có thể làm giảm khả năng chống cháy của nó.

Các hóa chất chống cháy bị cấm trong quần áo theo CCPSA

Theo Phụ lục 2 của CCPSA, các sản phẩm được làm toàn bộ hoặc một phần từ sợi dệt, dùng làm quần áo (bao gồm tất cả quần áo ngủ trẻ em), được xử lý bằng hoặc có chứa tris (2,3-dibromopropyl) phosphate (TRIS; TBPP; TDBPP; Số CAS 126-72-7) dưới dạng chất đơn lẻ hoặc là một phần của hợp chất hóa học **đều bị cấm**.

Tiếp xúc với tris (2,3-dibromopropyl) phosphate có thể gây ung thư cũng như các khuyết tật di truyền. Trẻ em đặc biệt dễ bị ảnh hưởng vì chúng có xu hướng ngậm quần áo trong miệng, và hóa chất chống cháy này cũng có thể được hấp thụ qua da khi tiếp xúc trực tiếp với quần áo đã được xử lý.

Các hóa chất chống cháy bị cấm trong các sản phẩm xốp dành cho trẻ em theo CCPSA.

Theo Phụ lục 2 của CCPSA, các sản phẩm được làm toàn bộ hoặc một phần từ bột polyurethane có chứa hóa chất tris (2-chloroethyl) phosphate (TCEP; Số CAS 115-96-8) và dành cho trẻ em dưới ba tuổi **đều bị cấm**.

Tiếp xúc với tris (2-chloroethyl) phosphate có thể gây ung thư và suy giảm khả năng sinh sản. Trẻ em dưới ba tuổi là đối tượng dễ bị ảnh hưởng nhất.

Ngoài *Quy định về đồ ngủ trẻ em*, còn có một số quy định khác theo CCPSA áp dụng cho quần áo trẻ em, chẳng hạn như:

Quy định về sản phẩm tiêu dùng chứa chì : hạn chế tổng hàm lượng chì trong mỗi bộ phận dễ tiếp xúc của quần áo trẻ em hoặc phụ kiện quần áo, chẳng hạn như khóa kéo, khuy bấm, khóa cài, hình in, đồ trang trí và đường viền, không quá 90 mg/kg. Để biết thêm thông tin về *Quy định về sản phẩm tiêu dùng chứa chì*, hãy tham khảo Thông tin dành cho các bên chịu sự điều chỉnh liên quan đến *Quy định về sản phẩm tiêu dùng chứa chì*.

Quy định về vật liệu phủ bề mặt : hạn chế tổng hàm lượng chì trong các vật liệu phủ bề mặt (như sơn hoặc nhãn dán) được sử dụng trên một số sản phẩm nhất định, bao gồm quần áo trẻ em hoặc phụ kiện quần áo, không quá 90 miligam trên mỗi kilogam.

Quy định về khả năng bắt lửa của hàng dệt : quy định các yêu cầu về khả năng bắt lửa đối với quần áo trẻ em được làm từ sợi dệt, ngoại trừ 1) quần áo ngủ trẻ em, thuộc phạm vi *Quy định về quần áo ngủ trẻ em*, và 2) trang phục trẻ em, thuộc định nghĩa búp bê, thú nhồi bông hoặc đồ chơi mềm theo *Quy định về đồ chơi*. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Hướng dẫn ngành về khả năng bắt lửa của sản phẩm dệt may tại Canada.

Quy định về đồ chơi : đặt ra các yêu cầu đối với trang phục trẻ em, bao gồm cả trang phục Halloween cho trẻ em, thuộc định nghĩa búp bê, thú nhồi bông hoặc đồ chơi mềm. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Hướng dẫn ngành về các yêu cầu an toàn của Bộ Y tế Canada đối với đồ chơi trẻ em và các sản phẩm liên quan.

Các đoạn 7(a) và 8(a) của CCPSA cấm sản xuất, nhập khẩu, quảng cáo hoặc bán các sản phẩm tiêu dùng gây nguy hiểm cho sức khỏe hoặc sự an toàn của con người. Một số mối nguy hiểm không được quy định cụ thể trong các quy định của CCPSA có thể được đề cập trong các tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn.

Link Hướng dẫn cập nhật về khả năng bắt lửa đối với quần áo ngủ trẻ em:
<https://www.canada.ca/en/health-canada/services/consumer-product-safety/legislation-guidelines/guidelines-policies/guide-children-sleepwear-flammability-requirement.html>